

Số: 418/TB-CTLNTQ

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc mời quan tâm, chào hàng tiêu thụ gỗ Keo có chứng chỉ
Tại công ty lâm nghiệp Tuyên Quang - Tổng công ty giấy Việt Nam

Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang thông báo mời các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia chào hàng tiêu thụ gỗ Keo có chứng chỉ tại Công ty, cụ thể như sau:

1. Nội dung chào hàng

Công ty tổ chức chào hàng tiêu thụ gỗ Keo có chứng chỉ tại địa điểm Thôn Tân Bình, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, gồm 01 gói như sau:

Gói số	DT trồng (ha)	DT khai thác (ha)	Gỗ (m³)	Củi (ster)	Giá khởi điểm gỗ (đ/m³)	Giá trị gỗ (đồng)	Giá trị củi (đồng)	Tổng giá trị (đồng)
3	31,6	31,4	2.249,3	426,4	1.264.822	2.844.965.150	4.264.000	2.849.229.150

Chi tiết diện tích, sản lượng gỗ, khối lượng củi, đơn giá và giá trị của từng lô rừng thuộc gói chào hàng số 03 được thể hiện tại Bảng kê chi tiết kèm theo Thông báo này.

- Đơn giá củi ấn định: 10.000 đồng/ster.
- Tiền đặt trước tối thiểu 10% là 284.922.915 đồng.

Giá chào hàng đối với gỗ phải không thấp hơn giá khởi điểm. Đơn giá củi thực hiện theo đơn giá ấn định là 10.000 đồng/ster.

Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân được thực hiện đối với hồ sơ chào hàng hợp lệ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hồ sơ mời chào hàng và có mức giá chào hàng cao nhất theo Quy chế chào hàng tiêu thụ gỗ nguyên liệu tại chỗ của Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày Công ty bàn giao hiện trường, tài sản và các hồ sơ có liên quan cho bên mua đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng, nhưng phải hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

2. Đối tượng và điều kiện tham gia chào hàng

Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân có đủ điều kiện tham gia chào hàng theo quy định của pháp luật và Quy chế chào hàng tiêu thụ gỗ nguyên liệu tại chỗ của Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang.

Người tham gia phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực tài chính và khả năng thực hiện hợp đồng; không thuộc trường hợp bị cấm tham gia; nộp đầy đủ hồ sơ và tiền đặt trước theo yêu cầu của hồ sơ mời chào hàng.

3. Hồ sơ mời chào hàng và hồ sơ chào hàng

Hồ sơ mời chào hàng gồm: Thông báo mời chào hàng; Quy chế chào hàng; Đơn đăng ký tham gia; Phiếu chào hàng; dự thảo hợp đồng mua bán; thông tin về lô rừng, sản lượng và các tài liệu liên quan.

Hồ sơ chào hàng gồm: Đơn đăng ký tham gia; Phiếu chào hàng theo mẫu; tài liệu chứng minh tư cách, năng lực theo yêu cầu; chứng từ nộp tiền đặt trước và các tài liệu khác theo hồ sơ mời chào hàng.

Hồ sơ chào hàng phải được lập đúng mẫu, ký đầy đủ, đóng dấu đối với tổ chức và được niêm phong trước khi nộp. Hồ sơ nộp sau thời điểm đóng nhận hồ sơ hoặc không bảo đảm tính nguyên vẹn sẽ không được tiếp nhận.

4. Thời gian, địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ

Thời gian đăng ký, nhận hồ sơ và nộp tiền đặt trước: từ 07 giờ 30 ngày 22/10/2026 đến trước 16 giờ 30 ngày 29/10/2026.

Địa điểm: Văn phòng Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang, Thôn Tân Bình, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Hồ sơ được tiếp nhận, ghi nhận thời gian nộp và bảo quản nguyên trạng đến thời điểm mở hồ sơ theo quy định.

5. Thời gian, địa điểm mở hồ sơ chào hàng

Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 30/10/2026.

Địa điểm: Văn phòng Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang, Thôn Tân Bình, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Việc mở hồ sơ được thực hiện công khai. Hội đồng tiêu thụ gỗ nguyên liệu tại chỗ công bố danh sách đơn vị tham gia, số lượng hồ sơ tiếp nhận, tình trạng niêm phong và các nội dung chủ yếu của hồ sơ theo quy định; đồng thời lập biên bản mở hồ sơ.

6. Đánh giá hồ sơ và lựa chọn đơn vị

Hội đồng tiêu thụ gỗ nguyên liệu tại chỗ đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ, tư cách của tổ chức/cá nhân, năng lực tài chính và khả năng thực hiện hợp đồng, mức giá chào hàng và các cam kết theo hồ sơ mời chào hàng.

Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu hoặc có thông tin không trung thực bị loại. Đơn vị được lựa chọn phải có hồ sơ hợp lệ, đáp ứng đầy đủ yêu cầu và có mức giá chào hàng cao nhất theo Quy chế.

Sau khi hoàn thành đánh giá, Hội đồng lập biên bản, báo cáo kết quả và trình Tổng công ty Giấy Việt Nam xem xét, phê duyệt theo quy định. Công ty chỉ ký hợp đồng sau khi kết quả chào hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hoàn thành các thủ tục theo quy định.

7. Ký kết và thực hiện hợp đồng

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng, Công ty thông báo cho tổ chức, cá nhân được lựa chọn để thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng.

Hợp đồng được ký theo mẫu của Công ty, bảo đảm phù hợp với hồ sơ mời chào hàng và kết quả đã được phê duyệt. Sau khi hợp đồng có hiệu lực và bên mua hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định, Công ty tổ chức bàn giao hiện trường để thực hiện khai thác.



Bên mua phải khai thác đúng diện tích, ranh giới, khối lượng theo hợp đồng và chấp hành các quy định về quản lý lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy rừng.

8. Công khai và liên hệ

Thông báo được niêm yết tại trụ sở Công ty và thực hiện công khai theo quy định của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang. Điện thoại: 0985.983.909.

Công ty Lâm nghiệp Tuyên Quang trân trọng thông báo để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và đủ điều kiện biết, tham gia chào hàng theo quy định. /.

Nơi nhận:

- UBND các xã, nơi có diện tích rừng trồng được phê duyệt tiêu thụ;
- Phòng kinh doanh Tổng công Ty Giấy Việt Nam;
- KHLN, TH.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC CÔNG TY LÂM
NGHIỆP TUYÊN QUANG**



Nguyễn Văn Hiếu

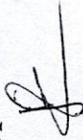
2-036
HÀNH
ÔNG T
T NAM
Y TNHH
ÂM NGH
QUANG
TUYỂN

BẢNG CHI TIẾT CÁC LÔ RỪNG CHÀO HÀNG TIÊU THỤ GỖ KEO NGUYÊN LIỆU GIẤY
CÔNG TY LÂM NGHIỆP TUYỀN QUANG

(Kèm theo Thông báo số 418/TB-CTLNTQ ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Công ty Lâm nghiệp Tuyền Quang)

Địa danh				Diện tích lô (ha)		Loại cây/năm trồng	Sản lượng cấp phép						Giá trị gỗ theo phương án được duyệt		Giá trị củi theo phương án được duyệt		Tổng giá trị	
Đội SX mới	Đội SX cũ	Tên khoảnh	Tên lô	Trồng rừng	Khai thác		M/lô (m ³)	Gỗ Vành (m ³)	Gỗ A (m ³)	Gỗ B (m ³)	Gỗ C (m ³)	Củi (Ster)	Gói số	Đơn giá (đồng/m3)	Thành Tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m3)		Thành Tiền (đồng)
1	54	31	4	2,80	2,80	Ah/21	156,20	52,40	41,10	56,10	6,60	35,10	3	1.224.287	191.233.629	10.000	351.000	191.584.629
1	54	31	7	1,60	1,60	Ah/21	103,90	39,70	27,70	33,00	3,50	19,40	3	1.241.584	129.000.578	10.000	194.000	129.194.578
2	203	34	9	2,00	2,00	Am/21	98,10	40,50	29,90	24,90	2,80	23,80	3	1.276.871	125.261.045	10.000	238.000	125.499.045
2	203	46	10	1,30	1,30	Ahm/19	140,60	86,60	26,90	24,60	2,50	16,60	3	1.213.411	170.605.587	10.000	166.000	170.771.587
2	203	46	11	1,30	1,30	Am/19	82,20	49,70	19,50	11,60	1,40	10,80	3	1.216.220	99.973.284	10.000	108.000	100.081.284
3	44	37	6	1,00	1,70	Am/19	213,20	120,60	51,50	36,30	4,80	34,00	3	1.310.999	279.504.987	10.000	340.000	279.844.987
3	44	43	20	0,50	0,50	Am/21	50,00	23,00	14,50	11,10	1,40	11,90	3	1.323.120	66.156.000	10.000	119.000	66.275.000
3	44	43+49	21	1,00	1,00	Am/21	45,60	10,60	15,50	16,60	2,90	23,80	3	1.229.027	56.043.631	10.000	238.000	56.281.631
3	44	45	1	1,10	1,10	Ah/21	85,10	28,20	22,90	30,40	3,60	18,60	3	1.237.422	105.304.612	10.000	186.000	105.490.612
3	44	49	44a	1,30	1,00	Am/21	49,10	24,80	13,80	9,60	0,90	9,00	3	1.322.622	64.940.740	10.000	90.000	65.030.740
3	44	55	1	3,20	3,30	Ahm/19	346,30	180,60	77,70	79,50	8,50	52,90	3	1.259.449	436.147.189	10.000	529.000	436.676.189
3	44	55	2	1,70	1,70	Am/19	159,10	78,30	45,00	31,20	4,60	35,60	3	1.298.577	206.603.601	10.000	356.000	206.959.601
3	44	57	8	1,80	1,60	Am/21	89,50	22,70	30,50	31,40	4,90	42,10	3	1.198.725	107.285.888	10.000	421.000	107.706.888
4	322	64	9	0,40	0,40	Am/19	17,00	7,30	5,40	3,70	0,60	4,50	3	1.254.058	21.318.986	10.000	45.000	21.363.986
4	322	64	12	1,00	1,00	Am/19	68,90	39,30	17,40	11,00	1,20	10,10	3	1.283.086	88.404.625	10.000	101.000	88.505.625
4	322	64	13	1,60	1,60	Ahm/19	72,90	36,30	17,40	17,40	1,80	10,80	3	1.251.066	91.202.711	10.000	108.000	91.310.711
4	322	64	14	1,60	1,60	Ahm/19	138,60	79,10	30,90	26,10	2,50	17,00	3	1.312.485	181.910.421	10.000	170.000	182.080.421
4	322	64	15	0,90	0,90	Am/19	62,90	35,80	15,60	10,10	1,40	9,50	3	1.252.189	78.762.688	10.000	95.000	78.857.688
4	322	64	15	0,90	0,90	Ah/21	61,10	22,10	17,40	19,70	1,90	11,20	3	1.233.545	75.369.600	10.000	112.000	75.481.600
4	322	64	20	2,10	2,10	Am/21	87,20	40,00	26,90	18,50	1,80	16,00	3	1.204.371	105.021.151	10.000	160.000	105.181.151
4	322	70	4	1,00	0,60	Ah/19	13,20	8,90	2,40	1,80	0,10	1,60	3	1.364.542	18.011.954	10.000	16.000	18.027.954
1	64	12	3	1,50	1,40	Am/19	108,60	71,70	22,90	12,20	1,80	12,10	3	1.352.691	146.902.243	10.000	121.000	147.023.243
Tổng cộng:				31,60	31,40		2.249,30	1.098,20	572,80	516,80	61,50	426,40		1.264.822	2.844.965.150	10.000	4.264.000	2.849.229.150

Lập biểu



Pug Kil Phun

